Ngày soạn: 18/10/2024

**CHỦ ĐỀ 2: CÁC THỂ CỦA CHẤT**

**Tiết 18-20. BÀI 8: SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC THỂ CƠ BẢN CỦA CHẤT.**

**TÍNH CHẤT CỦA CHẤT**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

**1.1. Năng lực khoa học tự nhiên:**

*- Nhận thức KHTN:* Nêu được sự đa dạng của chất (chất có xung quanh ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh…); Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể rắn, lỏng, khí thông qua quan sát; Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lý, tính chất hóa học); Nêu được các khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, bay hơi, đông đặc, ngưng tụ; Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể: nóng chảy, sôi, bay hơi, đông đặc, ngưng tụ.

*- Tìm hiểu tự nhiên:* Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể của chất;

*- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Đưa ra được ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất; Giải thích được nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự khác nhau về đặc điểm cơ bản ba thể của chất; Lấy được một số ví dụ thể hiện tính chất vật lý và tính chất hóa học thường gặp trong cuộc sống.

**1.2. Năng lực chung:**

*- Tự chủ và tự học:* Chủ động, tích cực tìm hiểu về sự đa dạng của chất trong cuộc sống và tính chất của chất;

*- Giao tiếp và hợp tác:* Sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt về tính chất của chất, các quá trình chuyển đổi thể của chất; Hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cầu vủa GV, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo;

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất:**

- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân;

- Cẩn thận, trung thực và thực hiện an toàn trong quá trình làm thực hành;

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập KHTN.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- GV: Tranh ảnh về sự đa dạng của chất, phiếu học tập, máy tính máy chiếu (Ti vi)

+ Dụng cụ: Giá sắt, nhiệt kế, đèn cồn, cốc thuỷ tinh, đũa thuỷ tinh, bát sứ, bình cầu.

+ Hoá chất: Nước cất, muối ăn, dầu ăn, đường trắng, nến.

- HS: Đồ dùng học tập, vở chép, sgk, dụng cụ GV yêu cầu.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 18:**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:**

Kích thích sự tò mò của HS dựa trên vốn hiểu biết của HS về sự khác nhau giữa ba thể rắn, lỏng, khí. Sự đa dạng của vật thể và sự đa dạng của chất.

**b.Tổ chức hoạt động:**

**GV:** Giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS

Hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

*Quan sát xung quanh và kể tên các đồ vật (vật thể)*

*Sắp xếp các vật thể theo các nhóm: vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật thể sống, vật không sống?*

**HS:** Hoạt động cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của GV.

**GV:** Quan sát, hướng dẫn HS gặp khó khăn.

**GV:** Gọi 1-2 HS báo cáo kết quả, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung.

**HS:** Đại diện HS báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến.

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức và giới thiệu vào bài: *Để hiểu rõ hơn về sự đa dạng của vật thể, các vật thể được tạo nên từ đâu, các thể của chất, các đặc điểm của ba thể của chất, chúng ta sẽ học ở bài “Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. Tính chất của chất”.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**1. Sự đa dạng của chất.**

**a.Mục tiêu:**

Nêu được sự đa dạng của chất(chất có xung quanh ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh…)

**b. Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS

Hoạt động cặp đôi: Đọc thông tin, quan sát H8.1 và thảo luận trả lời các câu hỏi 1,2,3,4 SGK (Tr35).

**HS:** Hoạt động cặp đôi, thực hiện theo yêu cầu của GV

**GV:**Quan sát, hướng dẫn nhóm HS gặp khó khăn.

**GV:** Gọi đại diện 4 cặp đôi lần lượt báo cáo, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung.

**HS:** Đại diện HS báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến

**\* Dự kiến sản phẩm của HS:**

*Câu 1. Các vật thể.*

*- Các vật thể: Đá, đất, nước, cây, không khí, con người, thuyền,...*

*-Vật thể tự nhiên: Đá, đất, nước, cây, không khí, con người,...*

*- Vật thể nhân tạo: Thuyền,...*

*Câu 2. Một số vật thể và chất tạo nên vật thể đó.*

*Trong không khí có oxygen và nitrogen; muối ăn có thành phần chính là sodium chloride; đường mía có sucrose; đá vôi có calcium carbonate;...*

*3. Sự giống nhau, khác nhau giữa vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo.*

*- Giống: đều được hình thành từ các chất;*

*- Khác:*

*+Vật thể tự nhiên: có sẵn trong tự nhiên.*

*+ Vật thể nhân tạo: do con người tạo ra.*

*4. Một số vật sống và vật không sống mà em biết.*

*-Vật sống: Người, chim, gà, cây, hoa,...*

*-Vật không sống: Bàn ghế, sách vở, quần áo,...*

**GV**: Nhận xét, hoàn thiện kiến thức và hướng dẫn HS ghi vở cá nhân

**HS:** Ghi vở cá nhân

**Kết luận:**

*- Vật thể là những gì tồn tại xung quanh ta. Các vật thể đều do một hoặc nhiều chất tạo nên.*

*→ Chất rất đa dạng, chất có ở xung quanh ta, ở đâu có vật thể là ở đó có chất.*

*- Vật thể tự nhiên là những vật thể có sắn trong tự nhiên.*

*Ví dụ: Núi đá vôi, cây mía, cây phượng.....*

*- Vật thể nhân tạo là những vật thể do con người tạo ra để phục vụ cuộc sống.*

*Ví dụ: Bàn ghế, thước kẻ, bút chì...*

*- Vật hữu sinh (vật sống) là vật thể có các đặc trưng sống.*

*- Vật vô sinh (vật không sống) là vật thể không có các đặc trưng sống.*

**GV:** Giao tiếp nhiệm vụ: Yêu cầu HS

Hoạt động cá nhân, hoàn thành **luyện tập** SGK (Tr36).

**HS:** Hoạt động cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của GV.

**GV:** Quan sát, hướng dẫn HS gặp khó khăn.

**GV:** Gọi 1 HS báo cáo kết quả, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung.

**HS:** Đại diện HS báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến.

\* **Dự kiến sản phẩm của HS:**

*+ Vật thể tự nhiên: cây cỏ, con cá*

*+ Vật thể nhân tạo: quần áo, xe đạp*

*+ Vật hữu sinh: cây cỏ, con cá*

*+ vật vô sinh: quần áo, xe đạp*

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức

**2. Các thể cơ bản của chất.**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát.

- Đưa ra được ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.

**b.Tổ chức hoạt động:**

**GV:** Giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS

Hoạt động nhóm: Quan sát H8.2,3 và thảo luận trả lời câu hỏi 5,6 SGK (Tr36)

**HS:** Hoạt động theo nhóm, thực hiện theo yêu cầu của GV

**GV:** Quan sát, hướng dẫn nhóm HS gặp khó khăn.

**GV:** Gọi 1-2 nhóm báo cáo, chia sẻ kiến thức, nhóm khác bổ sung

**HS:** Đại diện nóm HS báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến

\* **Dự kiến sản phẩm của HS:**

*Câu 5.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Chất* | *Thể* | *Hình dạng xác định không* | *Có thể nén không* |
| *Nước đá* | *Rắn* | *Có* | *Rất khó* |
| *Nước lỏng* | *Lỏng* | *Không* | *Khó* |
| *Hơi nước* | *Khí* | *Không* | *Dễ* |

*Câu 6. Nhận xét đặc điểm về thể rắn, thể lỏng và thể khí của chất.*

*Gv gợi ý nội dung:*

*- Khoảng cách giữa các hạt và sự liên kết của chúng trong các thể;*

*- Khối lượng riêng, thể tích và hình dạng;*

*- Khả năng bị nén.*

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức và hướng dẫn HS ghi vở cá nhân

**HS:** Ghi vở cá nhân

Kết luận:

*- Chất tồn tại ở ba thể (trạng thái) cơ bản: rắn (s), lỏng (l) và khí hay hơi (g)*

*- Đặc điểm cơ bản ba thể của chất:*

*+Ở thể rắn: Các hạt liên kết chặt chẽ; có hình dạng và thể tích xác định; rất khó bị nén.*

*+ Ở thể lỏng: Các hạt liên kết không chặt chẽ; có hinhd dạng không xác định, có thể tích xác định; khó bị nén.*

*+ Ở thể khí/hơi: Các hạt chuyển động tự do; có hình dạng và thể tích không xác định; dễ bị nén.*

**GV:** Giao tiếp hiệm vụ: yêu cầu HS

Hoạt động cá nhân, hoàn thành câu **luyện tập** SGK (Tr37).

**HS:** Hoạt động cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của GV

**GV:** Quan sát, hướng dẫn HS gặp khó khăn.

**GV**: Gọi 1 HS báo cáo kết quả, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung

**HS:** Đại diện HS báo cáo, chia sẻ ý kiến.

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức.

**\* Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời câu hỏi:

+*Vì sao nói chất rất đa dạng?*

*+ Thế nào là vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh?*

*+ Nêu đặc điểm ba thể của chất.*

- Tìm hiểu thông tin và trả lời các câu hỏi mục 3.

**Tiết 19:**

**\* Khởi động:**

**-** *Thế nào là vật thể tự nhiên? Thế nào là vật thể nhân tạo? lấy 5 ví dụ về vật thể tự nhiên và 5 ví dụ về vật thể nhân tạo.*

*- Thế nào là vật hữu sinh, vật vô sinh? Lấy 5 ví dụ về vật hữu sinh và 5 ví dụ về vật vô sinh.*

**\* Dạy bài mới:**

**3. Tính chất của chất.**

**a. Mục tiêu:**

Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học).

**b.Tổ chức hoạt động:**

**GV:** Giao nhiệm vụ: yêu cầu HS

Hoạt động nhóm, quan sát H8.4-8.6 và trả lời câu hỏi 7 SGK (Tr37)

**HS:** Hoạt động nhóm, thực hiện theo yêu cầu của GV

**GV:** Quan sát, hướng dẫn nhóm HS gặp khó khăn.

**GV:** Gọi đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung.

**HS:**Đại diện nhóm báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến

**\* Dự kiến sản phẩn của HS:**

*Câu 7. Nhận xét về thể, màu sắc của than đá, dầu ăn, hơi nước:*

*- Than đá: thể rắn, màu đen.*

*- Dầu ăn: thể lỏng, màu vàng.*

*- Hơi nước: thể khí, không màu.*

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức

**GV**: Hướng dẫn cách tiến hành thí nghiệm 1,2,3 SGK (Tr38-39) và giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS

Hoạt động nhóm: Tiến hành làm các thí nghiệm, ghi kết quả các thí nghiệm và thảo luận trả lời các câu hỏi 8-12 sgk.

**HS:** Hoạt động nhóm, thực hiện theo yêu cầu của GV

**GV:** Quan sát, hướng dẫn nhóm HS gặp khó khăn.

**GV:**: Gọi đại diện một số nhóm báo cáo, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung.

**HS:** Đại diện nhóm báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến

**\* Dự kiến sản phẩn của HS:**

*Câu 8. Sự thay đổi nhiệt độ của nước:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Thời gian đun nước (phút)* | *Nhiệt độ (oC)* | *Sự chuyển thể của nước* | | *0* | *30* | *Lỏng* | | *1* | *45* | *Lỏng* | | *2* | *60* | *Lỏng* | | *3* | *75* | *Lỏng* | | *4* | *85* | *Lỏng* | | *5* | *100* | *Hơi* | | *6* | *100* | *Hơi* | | *7* | *100* | *Hơi* | |

*Trong suốt thời gian sôi, nhiệt độ của nước không thay đổi*

*Câu 9. Thí nghiệm 2:*

*Muối ăn tan trong nước. Dầu ăn không tan trong nước*

*Câu 10. Thí nghiệm 3:*

*- Đường chuyển từ thể rắn sang lỏng.*

*- Đường bị cháy chuyển từ màu trắng dần sang nâu, cuối cùng cháy hết có màu đen, mùi khét.*

*- Trong thực tế: Thắng đường (nước hàng, nước màu) tạo màu nâu để nấu các món ăn hoặc làm bánh.*

*Câu 11. Trong thí nghiệm 3*

*- Đường nóng chảy chuyển từ trạng thái rắn sang lỏng: không tạo thành chất mới.*

*- Đường bị cháy chuyển từ màu trắng dần sang nâu, cuối cùng cháy hết có màu đen: Có tạo thành chất mới, đường cháy biến đổi thành chất khác.*

*Câu 12. Trong thí nghiệm 3*

*- Đường chuyển từ tráng thái rắn sang lỏng: Tính chất vật lý.*

*- Đường cháy chuyển từ màu trắng dần sang nâu, cuối cùng màu đen: Tính chất hoa học.*

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức và hướng dẫn HS ghi vở cá nhân

**HS:** Ghi vở cá nhân

**Kết luận:**

*- Mỗi chất có những tính chất nhất định, bao gồm:*

*+ Tính chất vật lý:*

*Không có sự tạo thành chất mới, ví dụ* : *thể, màu sắc, mùi vị, hính dạng, khối lượng riêng, tính tan trong nước hoặc trong chất lỏng khác, tính nóng chảy, sôi, tính dẫn nhiệt, dẫn điện.*

*+ Tính chất hóa học:*

*Có sự tạo thành chất mới, ví dụ: chất bị phân hủy, chất bị đốt cháy.*

*- Để nhận biết được tính chất của chất hoặc của vật thể cần phải quan sát, đo lường và làm các thí nghiệm.*

**GV:** Giao tiếp nhiệm vụ: yêu cầu HS

Hoạt động cá nhân, hoàn thành **luyện tập** SGK (Tr39).

**HS:** Hoạt động cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của GV

**GV:** Quan sát, hướng dẫn HS gặp khó khăn.

**GV:** Gọi 1 HS báo cáo kết quả, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung

**HS:** Đại diện HS báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến

\* **Dự kiến sản phẩm của HS:**

*Tính chất của đá vôi:*

*+ Tính chất vật lí: Tính cứng, màu trắng, bị mài mòn.*

*+ Tính chất hóa học: Khi nung ở nhiệt độ cao sẽ chuyển thành vôi sống và có khí carbon dioxide thoát ra.*

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức

**GV:** Yêu cầu HS đọc kiến thức mục “Mở rộng”

**\* Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời câu hỏi: *Thế nào là tính chất vật lý? Thế nào là tính chất hóa học? Lấy ví dụ minh họa.*

- Tìm hiểu thông tin và trả lời các câu hỏi mục 4.

**Tiết 20:**

**\* Khởi động:** KTBC

*Hãy nêu một số tính chất vật lý của nước mà em biết?*

**\* Dạy bài mới:**

**4. Sự chuyển thể của chất .**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, đông đặc.

- Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất.

- Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể: nóng chảy, sôi, bay hơi, đông đặc, ngưng tụ.

**b.Tổ chức hoạt động:**

**GV:** Giao nhiệm vụ: yêu cầu HS

Hoạt động nhóm, quan sát H8.11-8.14 và trả lời các câu hỏi 13- 16 SGK (Tr40)

**HS:** Hoạt động nhóm, thực hiện theo yêu cầu của GV

**GV:** Quan sát, hướng dẫn nhóm HS gặp khó khăn.

**GV:** Gọi đại diện một số nhóm báo cáo kết quả, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung.

**HS:** Đại diện nhóm báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến

**\* Dự kiến sản phẩm của HS:**

*Câu 13. Tại sao kem lại tan chảy khi đưa ra ngoài tủ lạnh?*

*Nhiệt độ ngoài môi trường cao hơn nhiệt độ trong tủ lạnh làm cho kem chuyển từthể rắn sang lỏng.*

*Câu 14. Tại sao cửa kính trong nhà tắm bị đọng nước khi ta tắm bằng nước ấm?*

*Vi nhiệt độ của cửa kính thấp hơn không khí trong phòng tắm nên hơi nước sẽ ngưng tụ ở bề mặt, làm mờ kính.*

*Câu 15. Khi đun sôi nước, em quan sát thấy có hiện tượng gì trong nổi thuỷ tinh?*

*Hơi nước bay lên, có nhiều bong bóng trong lòng nước và trên mặt thoáng của nước.*

*Câu 16. Quan sát vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên, em hãy cho biết các quá trình diễn ra trong vòng tuẩn hoàn này.*

*Quá trình chuyển thể của nước trong tự nhiên gổm:*

*- Băng tan: nước đá chuyển thành nước lỏng;*

*- Hình thành mây: nước lỏng chuyển thành hơi nước;*

*- Mưa: hơi nước chuyển thành nước lỏng;*

*- Hình thành băng: nước lỏng thành nước đá;*

**GV**: Nhận xét, hoàn thiện kiến thức và hướng dẫn HS ghi vào vở

**HS:** Ghi vở cá nhân

Kết luận:

- *Trong tự nhiên và trong các hoạt động của con người, các chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác.*

GV: Giao tiếp hiệm vụ: Yêu cầu HS

Hoạt động nhóm, tiến hành thí nghiệm 4,5 và trả lời câu hỏi 17 SGK (Tr41)

HS: Hoạt động nhóm, thực hiện theo yêu cầu của GV

GV: Quan sát, hướng dẫn nhóm HS gặp khó khăn

GV: Gọi đại diện 1 nhóm báo cáo, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung

HS: Đại diện HS báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến.

\* Dự kiến sản phẩm của HS:

*Câu 17:*

*- Thí nghiệm 4:*

*+ Quá trình 1: Khi đun nóng, nến chuyển từ thể rắn chuyển sang lỏng (hình 8.15b);*

*+Quá trình 2: Khi để nguội, nến chuyển từ thể lỏng sang rắn (hình 8.15c).*

*- Thí nghiệm 5:*

*+ Trong cốc thuỷ tinh: Hơi nước bay lên, trong nước và mặt thoáng của cốc nước có nhiều bọt khí (hình 8.16a);*

*+ Dưới đáy bình cầu: Nhiều giọt nước lỏng bám vào (hình 8.16b).*

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức và hướng dẫn HS ghi vào vở cá nhân

**HS:** Ghi vở cá nhân

**Kết luận:**

*+ Sự nóng chảy là quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất.*

*+Sự đông đặc là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể rắn của chất.*

*+ Sự bay hơi là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể hơi của chất.*

*+ Sự sôi là quá trình bay hơi xảy trong lòng và cả trên bề mặt thoáng của chất lỏng. Sự sôi là trường hợp đặc biệt của sự bay hơi.*

*+ Sự ngưng tụ là quá trình chuyển từ thể khí (hơi) sang thể lỏng của chất.*

*- Sơ đồ sự chuyển thể của chất:*

*nóng chảy bay hơi*

***Rắn Lỏng Khí/hơi***

*đông đặc ngưng tụ*

**GV**: Giao tiếp nhiệm vụ: Yêu cầu HS

Hoạt động cá nhân, hoàn thành **luyện tập** SGK (Tr42)

**HS:** Hoạt động cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của GV

**GV:** Quan sát, hướng dẫn HS gặp khó khăn

**GV:** Gọi 1 HS báo cáo kết quả, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung.

**HS:** Đại diện HS báo cáo kết quả ,chia sẻ ý kiến

\* **Dự kiến sản phẩm của HS:**

*+ Nóng chảy: Nước đá tan chảy, băng tan…*

*+ Đông đặc: Mỡ động vật đông lại khi trời lạnh…*

*+ Bay hơi: Bình gas không kín dẫn đến bị dò gỉ có thể gây cháy nổ*

*+ Ngưng tụ: Sương đọng trên lá cây*

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức

**GV:** Giao tiếp nhiệm vụ: Yêu cầu HS

Hoạt động cá nhân, hoàn thành **vậ dụng** SGK (Tr42)

**HS:** Hoạt động cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của GV

**GV**: Quan sát, hướng dẫn HS gặp khó khăn

**GV:** Gọi 1 HS báo cáo kết quả, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung

**HS:** Đại diện HS báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến

\* **Dự kiến sản phẩm của HS:**

*Nhiệt độ trong nhà thấp hơn nhiệt độ ngoài trời, nên khi không khí có độ ẩm cao (chứa nhiều hơi nước) tràn vào nhà sẽ ngưng tụ tạo thành các giọt nước bám vào nền nhà làm nền nhà trơn trượt. Do đó cần đóng kín cửa.*

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức

**3**. **Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:**

Củng cố, khắc sâu kiến thức, kĩ năng về phân biệt vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật sống, vật không sống, chất và ba thể của chất. Kể thêm được một số tính chất vật lí khác, phân biệt được tính chất vật lí và tính chất hóa học. Chỉ ra được quá trình chuyển thể của chất trong một số hiện tượng xảy ra trong thực tiễn.

**b.Tổ chức hoạt động:**

**GV:**Giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS:

Hoạt động cá nhân, hoàn thành các bài tập SGK (Tr42-43)

**HS:**Hoạt động cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của GV

**GV:** Quan sát, hướng dẫn HS gặp khó khăn

**GV:** Qọi 5 HS lần lượt báo cáo kết quả, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung.

**HS:** Đại diện HS báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến

**\* Dự kiến sản phẩm của HS:**

*Bài tập 1.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Câu* | *Vật thể* | *Chất* |
| *a* | *Cơ thể người* | *Nước* |
| *b* | *Lọ hoa, cốc, bát, nồi...* | *Thủy tinh* |
| *c* | *Ruột bút chì* | *Than chì* |
| *d* | *Thuốc điều trị cảm cúm* | *Paracetamol* |

*Bài 2. a. - Vật thể tự nhiên: Đường sucrose, cây mía, quả thốt nốt, của cải đường, nước*

*- Vật thể nhân tạo: Nước hàng*

*- Vật hữu sinh: Cây mía, cây thốt nốt, cây củ cải*

*- Vật vô sinh: Đường, nước, nước hàng*

*b. - Vật thể tự nhiên: Lá găng rừng, nước, đường mía*

*- Vật thể nhân tạo: Thạch găng*

*- Vật hữu sinh: Lá găng rừng*

*- Vật vô sinh: nước đường mía, thạch*

*c. - Vật thể tự nhiên:quặng kim loại*

*- Vật thể nhân tạo: Kim loại*

*- Vật vô sinh: kim loại, quặng*

*d. - Vật thể tự nhiên:gỗ, rừng*

*- Vật thể nhân tạo: bàn, ghế, giường tủ, nhà cửa*

*- Vật hữu sinh: rừng, cây*

*- Vật vô sinh: bàn, ghế, giường tủ, nhà cửa*

*Bài tập 3.*

*a. (1). Thể/trạng thái; (2). Rắn, lỏng, khí*

*b. (3). Tính chất*

*c. (4). Chất; (5). Tự nhiên/thiên nhiên; (6). Vật thể nhân tạo.*

*d. (7). Sự sống; (8). Không có*

*e. (9). Vật lý.*

*f. (10). Vật lý.*

*Bài tập 4. Thời tiết thuận lợi cho nhề làm muối là thời tiết tạo điều kiện cho cho quá trình bay hơi của nước diễn ra nhanh hơn. Thời tiết nắng nóng, thời gian Mặt trời chiếu sáng dài, nhiệt độ cao, độ ẩm không khí thấp, nhiều gió là các điều kiện thuận lợi cho nghề làm muối.*

*Bài tập 5.*

*a. Thể hiện tính chất hóa học vì có sự tạo thành chất mới (bọt khí carbon ddioxxide)*

*b. Thể hiện tính chất vật lý vì quá trình hòa tan đường không tạo ra chất mới.*

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức

**4**. **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:**

Vận dụng kiến thức về sự đa dạng của chất, đặc điểm của chất, tính chất và sự chuyển thể của chất để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.

**b.Tổ chức hoạt động:**

**GV:**  Giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS

Hoạt động cá nhân, trả lời các câu hỏi sau:

***Câu 1****: Kể tên các chất có trong một vật thể, kể tên các vật thể có chứ chất cụ thể?*

***Câu 2****: Tại sao ta có thể bơm xăng vào bình chứa có hình dạng khác nhau?*

***Câu 3:*** *Tại sao cần phải cất giữ chất khí trong bình?*

***Câu 4:*** *Vì sao cần bảo quản những chiếc kem trong ngăn đá của tủ lạnh?*

**HS:** Hoạt động cá nhân, thực hiện theo yêu cầu của GV

**GV:** Quan sát, hướng dẫn HS gặp khó khăn.

**GV:** Gọi 3 HS báo cáo kết quả, chia sẻ kiến thức, HS khác bổ sung.

**HS:** Đại diện HS báo cáo kết quả, chia sẻ ý kiến.

**GV:** Nhận xét, hoàn thiện kiến thức

**\* Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài và trả lời câu hỏi: *Thế nào là sự nóng chảy? sự đông đặc? sự bay hơi? sự ngưng tụ?*

- Tìm hiểu thông tin và trả lời các câu hỏi trong bài 9: Oxygen

**TỔ CM DUYỆT**

**Hoàng Thị Diên**